TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-08-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ký.

2. Ông Hoàng Đình Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lại Thế H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt chị N, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hà Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lại Thế H tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 02/12/2008 tại UBND xã Hà Dương (nay là xã Yên Dương), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2021 đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tìm được sự đồng cảm và chia sẻ thực sự; anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp; anh H sống thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là các cháu Lại Hà Thu H, sinh ngày 24/10/2009, Lại Hà Minh Q, sinh ngày 15/3/2012. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu H và cháu Q cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Lại Thế H: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H đều không có mặt.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn Đoài Thôn, xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (nơi anh H, chị N cư trú):

- Về tình trạng cư trú: Anh Lại Thế H và chị Hà Thị N cùng cư trú tại thôn Đoài Thôn, xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Về hôn nhân: Anh H và chị N tự nguyện kết hôn với và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2021 đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì thôn không rõ, vì anh chị không đề nghị thôn tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên thôn không can thiệp được.

- Về điều kiện nuôi con: Anh H và chị N có 02 con chung là các cháu Lại Hà Thu H, sinh ngày 24/10/2009, Lại Hà Minh Q, sinh ngày 15/3/2012; Hiện nay cháu H và cháu Q đang ở cùng với anh chị tại thôn Đoài Thôn, xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Điều kiện sinh sống, học tập của cháu ổn định, bình thường, không bị ai hành hạ, ngược đãi gì. Anh H và chị N đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt và đều có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, bảo đảm việc nuôi con.

Nguyện vọng của cháu H và cháu Q: Khi chị N và anh H ly hôn, các cháu đều muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị với anh H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 227 và 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ, nhưng vắng mặt là vi phạm các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh H;

- Về con chung: Giao cháu H và cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con;

- Về án phí: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn và cùng cư trú tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

1.2] Anh Lại Thế H là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Hà Thị N và anh Lại Thế H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị N nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Năm 2020, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn; từ năm 2021 đến nay anh chị sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai nên chị yêu cầu được ly hôn anh H. Lời khai của chị N phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại thôn Đoài Thôn, xã Yên Dương, huyện Hà Trung về tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh H không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N để Tòa án tiến hành hòa giải; chị N cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Điều đó thể hiện việc cả hai anh chị đều không có thiện chí hợp tác giải quyết thuẫn vợ chồng. Đời sống chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H và chị N trên thực tế đã không còn.

[2.3] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị N, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa của chị N; Căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của chị N và anh H; Căn cứ vào việc không chấp hành pháp luật tố tụng và thái độ không hợp tác giải quyết vụ án của anh H; Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống. Việc yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, với lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên, xử cho chị N được ly hôn anh H.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị N và anh H có 02 con chung là các cháu Lại Hà Thu H, sinh ngày 24/10/2009, Lại Hà Minh Q, sinh ngày 15/3/2012. Xét nguyện vọng của chị N về việc nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với thực tế, cũng như tình cảm của người mẹ dành cho con cái. Ngược lại, quá trình giải quyết vụ án, anh H không chấp hành theo giấy triệu tập, cũng như thông báo của Tòa án để đến trình bày quan điểm, ý kiến của anh về các vấn đề của vụ án nói chung và vấn đề nuôi con khi ly hôn nói riêng.

[3.2] Căn cứ vào điều kiện nuôi con của đương sự, việc giao cháu H và cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, đồng thời cũng phù hợp với quy định của Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; và việc chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Chị Hà Thị N được ly hôn anh Lại Thế H.

2. Về con chung: Công nhận các cháu Lại Hà Thu H, sinh ngày 24/10/2009, Lại Hà Minh Q, sinh ngày 15/3/2012 là các con chung của chị Hà Thị N và anh Lại Thế H. Giao cháu H và cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn

đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0002326 ngày 14/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Hà Trung;
- UBND xã Yên Dương, H.Hà Trung;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh